

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG

Bài tập

I – TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC

1. Bài tập 2, trang 122, SGK.
2. Bài tập 3, trang 123, SGK.

II – THÀNH NGỮ

1. Bài tập 2, trang 123, SGK.
2. Bài tập 3, trang 123, SGK.
3. Bài tập 4, trang 123, SGK.

III – NGHĨA CỦA TỪ

1. Bài tập 2, trang 123, SGK.
2. Bài tập 3, trang 123 – 124, SGK.

IV – TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

- Bài tập 2, trang 124, SGK.

V – TỪ ĐỒNG ÂM

1. Bài tập 2, trang 124, SGK.
2. Hãy cho biết tiếng cười trong bài ca dao sau đây dựa trên hiện tượng nào trong từ vựng :

*Bà già đi chợ Cầu Đông,
Xem một quẻ bói, lấy chồng lợi chăng ?
Thầy bói gieo quẻ nói rằng :
Lợi thì có lợi nhưng răng không còn.*

VI – TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Bài tập 2, trang 125, SGK.
2. Bài tập 3, trang 125, SGK.

VII – TỪ TRÁI NGHĨA

1. Bài tập 2, trang 125, SGK.
2. Bài tập 3*, trang 125, SGK.

VIII – CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ

Bài tập 2, trang 126, SGK.

IX – TRƯỜNG TỪ VỰNG

1. Bài tập 2, trang 126, SGK.
2. Hãy cho biết nét đặc sắc của các động từ được dùng trong câu ca dao sau :

*Cha chài, mẹ lưới, con câu
Chàng rể đi tát, con dâu đi mò.*

3. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương được xem là Bà Chúa thơ Nôm của Việt Nam. Dựa trên hiểu biết của em về từ vựng tiếng Việt (đồng âm, trường từ vựng...), hãy cho biết từ ngữ trong bài thơ sau đây của bà có gì độc đáo :

KHÓC TỔNG CỐC

*Chàng Cóc ơi ! Chàng Cóc ơi !
Thiếp bén duyên chàng có thể thôi.
Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé,
Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi.*

Gợi ý làm bài

I – TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC

1. Lưu ý phân biệt từ láy với những từ ghép có các yếu tố cấu tạo giống nhau một phần về vỏ ngữ âm nhưng giữa các yếu tố ấy có mối quan hệ ngữ nghĩa. Nếu xét kĩ thì các yếu tố cấu tạo của từ ghép đều có nghĩa. Sự giống nhau về ngữ âm ở đây có tính chất ngẫu nhiên.

2. Từ láy có sự "giảm nghĩa" như *trắng trắng*; từ láy có sự "tăng nghĩa" như *sạch sành sanh*. Dựa vào hai từ này, em hãy xác định những từ còn lại.

II – THÀNH NGỮ

1. Thành ngữ là một cụm từ cố định, có ý nghĩa và được dùng để tạo câu như từ, còn tục ngữ là một câu. Trong bài tập này có ba thành ngữ và hai tục ngữ.

2. Trong tiếng Việt có rất nhiều thành ngữ có yếu tố chỉ động vật, chẳng hạn : *như mèo thấy mỡ, kiến bò chảo nóng,...*

Số thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật trong tiếng Việt ít hơn nhiều so với thành ngữ có yếu tố chỉ động vật. Sau đây là một số ví dụ : *dây cà ra dây muống, bẻ hành bẻ tỏi,...*

3. Em có thể nhớ lại những thành ngữ trong các tác phẩm đã học như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, thơ của Hồ Xuân Hương,...

III – NGHĨA CỦA TỪ

1. Để chọn đúng, em cần lưu ý mấy điểm sau : *bố* có nghĩa là "người đàn ông, có con, nói trong quan hệ với con" ; *mẹ* trong "*Thất bại là mẹ thành công*." có nghĩa là "cái gốc, cái chính từ đó sinh ra những cái khác" ; *bà* có nghĩa là "người phụ nữ thuộc thế hệ sinh ra cha hoặc mẹ".

2. Có một nguyên tắc quan trọng phải tuân thủ khi giải thích nghĩa của từ là : bản chất từ loại của vế được giải thích và vế dùng để giải thích phải đồng nhất. Chẳng hạn, để giải thích nghĩa của một danh từ, phải dùng cụm danh từ ; để giải thích nghĩa của một động từ, phải dùng cụm động từ,...

IV – TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

Chú ý so sánh nghĩa của từ *hoa* trong *bông hoa* và từ *hoa* trong *thêm hoa, lệ hoa* và xét xem nghĩa của từ *hoa* trong *thêm hoa, lệ hoa* có được dùng phổ biến hay không.

V – TỪ ĐỒNG ÂM

1. Cần xét xem trong hai trường hợp (a) và (b), giữa các nghĩa khác nhau của từ đang xét (*lá* trong (a) và *đường* trong (b)) có mối liên hệ với nhau hay không. Nếu có thì đó là hiện tượng từ nhiều nghĩa, nếu không thì đó là hiện tượng từ đồng âm.

2. Tiếng cười trong bài ca dao bật ra bởi hiện tượng chơi chữ dựa trên các từ đồng âm.

VI – TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Cần lưu ý những điểm sau đây :

- Không có ngôn ngữ nào trên thế giới không có hiện tượng đồng nghĩa.
- Đồng nghĩa có thể là quan hệ về nghĩa giữa hai, ba hoặc nhiều hơn ba từ.
- Trong một ngôn ngữ, rất ít khi có hai từ có nghĩa hoàn toàn giống nhau.

2. *Xuân* là từ chỉ một mùa trong năm, khoảng thời gian tương ứng với một tuổi.

VII – TỪ TRÁI NGHĨA

1. Những cặp từ như *ông – bà, voi – chuột* không có quan hệ trái nghĩa. Em hãy tìm thêm những cặp từ không có quan hệ trái nghĩa trong bài tập. Bằng biện pháp loại trừ, có thể xác định được ba cặp từ có quan hệ trái nghĩa.

2. Mỗi cặp từ trái nghĩa cùng nhóm với *sống – chết* biểu thị những khái niệm đối lập nhau và loại trừ nhau, khẳng định cái này nghĩa là phủ định cái kia ; các từ trong cặp thường không có khả năng kết hợp với những từ chỉ mức độ như *rất, hơi, lắm, quá*.

Mỗi cặp từ trái nghĩa cùng nhóm với *già – trẻ* biểu thị những khái niệm có tính chất thang độ, khẳng định cái này chưa chắc đã là phủ định cái kia ; các từ trong cặp có khả năng kết hợp với những từ chỉ mức độ như *rất, hơi, lắm, quá*.